Chi tiết mã HS 8437.10.20

Mã HS	8437.10.20
Mô tả hàng hóa	Máy làm sạch, tuyển chọn hoặc phân loại hạt giống, hạt hoặc các loại rau đậu đã được làm khô; máy dùng trong công nghiệp xay sát hoặc dùng cho chế biến ngũ cốc hoặc rau đậu đã được làm khô, trừ các loại máy nông nghiệp / - Máy làm sạch, tuyển chọn hoặc phân loại hạt giống, hạt hoặc các loại rau đậu đã được làm khô: / - - Dùng cho các loại hạt, không hoạt động bằng điện; máy sàng sảy hạt và các loại máy làm sạch tương tự, không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 04:33:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84371020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13800
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13800
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13800
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13109
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13050
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13050
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13050
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13050
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13050
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13050
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13104
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13104
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13104
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13104

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13104
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13104
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13105
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13105
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13105
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13105
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13105
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13105
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13108
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13056
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13064
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13064
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13064
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13064
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13064
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13064
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13095
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13095
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13095
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13095
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13095
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13095
VCFTA	2022	2022	5	VC!D13144
VCFTA	2023	2023	5	VC!E13144
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13144
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13144

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13144
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13144
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13127
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13127
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13127
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13127
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13127
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13127
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13127
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13127
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13127
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13127
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13127
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13127
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D13142
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E13142
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F13142
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13142
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13142
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13142
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D13141
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E13141
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F13141
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13141
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13141
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13141

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13121
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13121
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13121
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13121
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13121
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13121
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13121
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13129
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13129
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13129
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13129
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13129
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13129
RCEP B	2022	2022	0	B!D13129
RCEP B	2023	2023	0	B!E13129
RCEP B	2024	2024	0	B!F13129
RCEP B	2025	2025	0	B!G13129
RCEP B	2026	2026	0	B!H13129
RCEP B	2027	2027	0	B!I13129
RCEP C	2022	2022	0	C!D13129
RCEP C	2023	2023	0	C!E13129
RCEP C	2024	2024	0	C!F13129
RCEP C	2025	2025	0	C!G13129
RCEP C	2026	2026	0	C!H13129
RCEP C	2027	2027	0	C!I13129
RCEP D	2022	2022	0	D!D13128

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13128
RCEP D	2024	2024	0	D!F13128
RCEP D	2025	2025	0	D!G13128
RCEP D	2026	2026	0	D!H13128
RCEP D	2027	2027	0	D!I13128
RCEP E	2022	2022	0	E!D13132
RCEP E	2023	2023	0	E!E13132
RCEP E	2024	2024	0	E!F13132
RCEP E	2025	2025	0	E!G13132
RCEP E	2026	2026	0	E!H13132
RCEP E	2027	2027	0	E!I13132
RCEP F	2022	2022	0	F!D13129
RCEP F	2023	2023	0	F!E13129
RCEP F	2024	2024	0	F!F13129
RCEP F	2025	2025	0	F!G13129
RCEP F	2026	2026	0	F!H13129
RCEP F	2027	2027	0	F!I13129
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12178
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12178
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12178
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12178

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8437.10 có 4 dòng thuế; dòng 8437.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho các loại hạt, không hoạt động bằng điện; máy sàng sảy hạt và các loại máy làm sạch tương tự, không hoạt động bằng điện.	8437.10.10 Dùng cho các loại hạt, hoạt động bằng điện; máy sàng sảy hạt và các loại máy làm sạch tương tự, hoạt động bằng điện; 8437.10.30 Loại khác, hoạt động bằng điện; 8437.10.40 Loại khác, không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8437.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8437.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13800), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.